

BÀN VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG

*Chu Quang Thắng **

Tóm tắt: Bồi dưỡng năng lực giao tiếp tiếng Trung cho sinh viên có tầm quan trọng đặc biệt. Bài viết trình bày việc áp dụng phương pháp đọc tài liệu, tiến hành phân định ranh giới giữa năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp ngôn ngữ, từ đó đưa ra một số đường hướng tổng quan cho đào tạo tiếng Trung chuyên ngành của Khoa Trung - Nhật, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (HUBT).

Từ khoá: Năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp ngôn ngữ, định hướng, giảng dạy tiếng Trung.

Summary: Fostering Chinese communication ability for students is of special importance. The article presents the application of the method of reading documents, demarcating the boundary between language competence and language communication competence, thereby giving some general directions for specialized Chinese language training of students at Faculty of Chinese - Japanese, Hanoi University of Business and Technology (HUBT).

Keywords: Language competence, language communication ability, orientation, teaching Chinese.

1. Đặt vấn đề

Một số năm gần đây, việc giảng dạy tiếng Trung Quốc (tiếng Trung) ở Việt Nam rất phát triển. Song không khó nhận ra trong thực tiễn giảng dạy vẫn còn tồn tại hiện trạng coi trọng năng lực ngôn ngữ, nhưng coi nhẹ rèn luyện năng lực giao tiếp ngôn ngữ. Không phải ai cũng nhận thức rõ năng lực giao tiếp tiếng Trung là mục tiêu cuối cùng của việc dạy và học tiếng Trung. Trước thực trạng đó, bài viết này sẽ cố gắng làm sáng tỏ năng lực giao tiếp ngôn ngữ từ nhiều góc độ khác nhau, chỉ ra phương pháp cũng như nội dung tổng quan của việc đào tạo năng lực giao tiếp.

.....

2. Nội dung

2.1. Bồi dưỡng năng lực giao tiếp tiếng Trung là mục tiêu cuối cùng của việc giảng dạy tiếng Trung

a. Mục đích của việc giảng dạy tiếng Trung

Từ cuối những năm 80, mục đích tổng thể của việc dạy tiếng Trung với tư cách một ngoại ngữ cho người nước ngoài đã được Trung Quốc thiết lập là để nâng cao năng lực giao tiếp cho người học. Đến những năm 90, các nghiên cứu về trau dồi năng lực giao tiếp tiếng Trung được thực hiện sâu hơn, giúp giải quyết những vấn đề cơ bản trong thiết kế tổng thể chương trình giảng dạy tiếng Trung

* Trường ĐH KD&CN Hà Nội

và có tác động sâu sắc đến thực tiễn giảng dạy tiếng Trung trong các trường ở Việt Nam.

b. Nhìn lại thực tiễn giảng dạy tiếng Trung ở Việt Nam

Thực tiễn giảng dạy tiếng Trung ở Việt Nam hơn nửa thế kỷ cho thấy trước kia thường quá chú trọng đến năng lực ngôn ngữ, mà bỏ qua việc bồi dưỡng ngôn ngữ giao tiếp. Bản thân người viết bài này đã dạy tiếng Trung ở hai trường đại học gần 40 năm, có cơ hội tham vấn nhiều bậc thầy đi trước, chủ trì và tham gia nhiều cuộc hội thảo về phương pháp giảng dạy, dự nhiều giờ lên lớp của giảng viên dạy giỏi và trực tiếp khảo sát hiệu quả học tập của nhiều khoá sinh viên. Tác giả nhận thấy việc đào tạo năng lực giao tiếp trong giảng dạy tiếng Trung chưa được quan tâm đúng mức. Biểu hiện cụ thể ở chỗ: trên lớp giảng nhiều, luyện ít; chỉ giảng không luyện, hoặc còn nhầm lẫn giữa kỹ năng ngôn ngữ với kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ; giảng luyện trên lớp không gắn với thực tế giao tiếp, nặng về truyền đạt kết cấu, không coi trọng chức năng ngôn ngữ và coi nhẹ yếu tố văn hoá. Thường thấy một số sinh viên có thể sử dụng từ để đặt câu và biết phân tích một số cấu trúc ngữ pháp, nhưng không thể diễn đạt rõ ràng điều muốn nói hoặc muốn viết. Một số sinh viên có thể hiểu nội dung bài đọc, nhưng không ứng phó được trong giao tiếp hàng ngày. Nhiều sinh viên diễn đạt tiếng Trung thông qua lối tư duy tiếng mẹ đẻ, dẫn tới phản ứng rất chậm và bị sai lệch về ngôn ngữ. Nguyên nhân chính là do người dạy chưa thấm nhuần mục đích cơ bản của việc giảng

dạy tiếng Trung, phương pháp giảng dạy còn chịu ảnh hưởng ít nhiều các trường phái giáo học pháp phương Tây (phương pháp ngữ pháp - phiên dịch, phương pháp trực tiếp, phương pháp nghe nói,...). Những bất cập này đòi hỏi việc giảng dạy tiếng Trung cần nghiên cứu sâu hơn nữa về vấn đề bồi dưỡng năng lực giao tiếp cho người học trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn. Chỉ khi nào có nhận thức đầy đủ về yếu tố cấu thành năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp ngôn ngữ và mối quan hệ giữa chúng thì mới khắc phục được bất cập này.

2.2. Ranh giới và quan hệ giữa năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp ngôn ngữ

a. Khái niệm năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp ngôn ngữ

Dựa trên lý luận ngôn ngữ học và tổng hợp quan điểm của các nhà ngôn ngữ học, thì năng lực ngôn ngữ thuộc phạm trù “ngôn ngữ”, năng lực giao tiếp ngôn ngữ thuộc phạm trù “lời nói”. Năng lực ngôn ngữ cấu thành bởi kiến thức ngôn ngữ và 4 kỹ năng cơ bản nghe - nói - đọc - viết, là một một thứ năng lực bên trong. Nói cách khác, đây là năng lực ngữ pháp được trừu tượng hoá ở mức cao, thuộc về cơ chế tâm lý bên trong tách rời với ngoại cảnh. Còn năng lực giao tiếp ngôn ngữ được cấu thành bởi các yếu tố, như năng lực ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ xã hội, năng lực lời nói và chiến lược giao tiếp.

Tổng hợp quan điểm đồng thuận của các nhà ngôn ngữ học, có thể rút ra kết luận: năng lực giao tiếp ngôn ngữ bao gồm cả năng lực ngôn ngữ và năng lực

ngữ dụng, đòi hỏi người học vừa phải nắm vững quy tắc bản thân ngôn ngữ, vừa phải nắm vững quy tắc vận dụng ngôn ngữ (tức quy tắc ngữ dụng); không chỉ đòi hỏi người học biết tổ hợp từ ngữ thành câu, mà quan trọng hơn là biết tổ chức các câu thành đoạn mạch lạc; không chỉ đòi hỏi học sinh nắm vững phương thức diễn đạt bằng lời, mà còn đòi hỏi sinh viên biết vận dụng chiến lược giao tiếp cần thiết vào thực tiễn sử dụng ngôn ngữ; không chỉ đòi hỏi độ chính xác của ngôn ngữ, mà còn đòi hỏi tính phù hợp ngữ cảnh của ngôn ngữ sử dụng. Vì thế, năng lực giao tiếp ngôn ngữ, ngoài kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, còn liên quan đến các kiến thức văn hóa, xã hội, tâm lý và các kiến thức khác. Có thể nói đây là một hệ thống kiến thức kỹ năng tổng hợp nhiều mặt. Sự khác biệt giữa kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp là ở chỗ: năng lực ngôn ngữ là sự nhận biết của đại não về quy luật khách quan bên trong ngôn ngữ, được lưu tồn hoặc được trích xuất dưới dạng kiến thức ngôn ngữ. Còn năng lực giao tiếp là sự hiểu biết và nắm bắt của con người đối với các yếu tố bên ngoài liên quan đến hoạt động giao tiếp ngôn ngữ, nhằm giúp cho giao tiếp ngôn ngữ diễn ra linh hoạt và hiệu quả.

b. Quan hệ giữa năng lực giao tiếp ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ

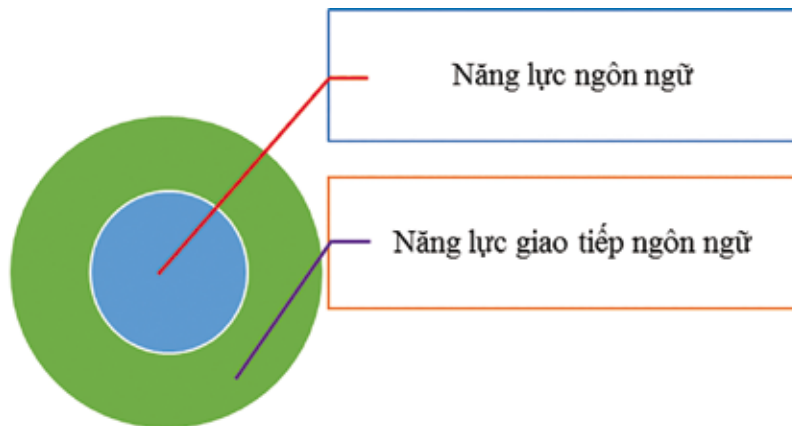
Quan hệ giữa năng lực giao tiếp ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ có thể được nhìn nhận ở các góc độ khác nhau. Dưới góc độ yếu tố cấu thành, thì mối quan hệ giữa năng lực giao tiếp ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ là mối quan hệ giữa chỉnh thể và bộ phận, trong đó, năng lực ngôn

ngữ là nền tảng. Xét theo quá trình hình thành năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp ngôn ngữ, thì một người học tiếng phải trải qua một quá trình nội hóa và ngoại hóa liên tục, bao gồm chuyển hoá kiến thức ngôn ngữ thành kỹ năng ngôn ngữ cơ bản. Kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, sau khi nội hoá, sẽ chuyển hoá thành kỹ năng ngôn ngữ tạm thời. Năng lực ngôn ngữ tạm thời được ngoại hoá sẽ chuyển hoá thành năng lực giao tiếp. Năng lực giao tiếp được nội hoá sẽ chuyển hoá thành năng lực ngôn ngữ vĩnh cửu. Năng lực ngôn ngữ vĩnh cửu được biểu hiện ra ngoài chính là năng lực giao tiếp ngôn ngữ vĩnh cửu.

Theo lý thuyết thông tin, hoạt động giao tiếp ngôn ngữ được thực hiện thông qua mã hóa, gửi, truyền, nhận và giải mã. Người viết hoặc nói phải dựa vào nhiệm vụ giao tiếp và ngữ cảnh để tìm những từ ngữ phù hợp rồi sắp xếp chúng theo quy tắc ngữ pháp, diễn đạt theo quy tắc ngữ âm hoặc quy tắc viết, tạo thành câu hoặc lời nói chính xác. Người nghe và đọc thông qua nhận biết, hoàn nguyên nội dung ngữ nghĩa cho hình thức ngôn ngữ, từ đó hiểu được thông tin của người nói hoặc người viết. Chỉ những người có năng lực ngôn ngữ tương đối vững vàng mới hiểu được ý nghĩa bề mặt của diễn ngôn trong trạng thái tĩnh, đồng thời phải có năng lực giao tiếp ngôn ngữ tổng hợp mới hiểu được ý nghĩa sâu xa của diễn ngôn trong trạng thái động. Hiểu đúng ý nghĩa bề mặt của diễn ngôn hay không thuộc về vấn đề năng lực ngôn ngữ và hiểu được ý nghĩa sâu xa của diễn ngôn hay không thuộc về vấn đề năng lực giao

tiếp ngôn ngữ. Rõ ràng, ý nghĩa ngữ dụng phải coi năng lực ngôn ngữ là cơ sở, hay nói cách khác năng lực giao tiếp ngôn ngữ (khả năng diễn đạt và hiểu) phải phải lấy năng lực ngôn ngữ làm nền tảng.

Trên cơ sở những luận điểm nêu trên, tiếp theo, bài viết sẽ bàn tới một số định hướng lớn và biện pháp cụ thể về bồi dưỡng năng lực giao tiếp tiếng Trung trong giảng dạy.



Hình 1. Năng lực giao tiếp ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ – quan hệ toàn bộ và bộ phận

2.3. Một số định hướng lớn về bồi dưỡng năng lực giao tiếp tiếng Trung Quốc

Mục đích cuối cùng của việc bồi dưỡng năng lực giao tiếp ngôn ngữ được thể hiện ở 3 khâu dưới đây.

a. Thiết kế tổng thể

1) Nội dung giảng dạy tiếng Trung bậc đại học có thể khái quát thành 3 mảng: *một là*, lý thuyết tiếng Trung bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán và các kỹ năng cơ bản nghe - nói - đọc - viết; *hai là*, kỹ năng giao tiếp tiếng Trung, bao gồm quy tắc vận dụng ngôn ngữ (ngữ dụng), quy tắc diễn ngôn (lời nói) và chiến lược giao tiếp); *ba là*, kiến thức về văn hóa giao tiếp của người Trung Quốc, bao gồm các yếu tố kiến thức văn hóa trong ngôn ngữ tiếng Trung, các kiến thức cơ bản về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa Trung Quốc.

2) Bồi dưỡng phát triển năng lực

giao tiếp ngôn ngữ đòi hỏi xử lý các mối quan hệ sau:

- Quan hệ giữa dạy và học;
- Chuyển đổi năng lực ngôn ngữ sang năng lực giao tiếp ngôn ngữ;
- Kết hợp giữa cấu trúc ngôn ngữ và văn hóa;
- Mối quan hệ nghe - nói - đọc - viết;
- Mối quan hệ khẩu ngữ - bút ngữ;
- Mối quan hệ “trong” và “ngoài” lớp học;
- Mối quan hệ câu - diễn ngôn;
- Mối quan hệ ngữ âm - ngữ pháp - từ vựng;
- Mối quan hệ cấu trúc ngôn ngữ - ngữ nghĩa - ngữ dụng.

Từ những phân tích này cho thấy nhấn mạnh bồi dưỡng năng lực giao tiếp ngôn ngữ cho sinh viên không có nghĩa là coi nhẹ năng lực ngôn ngữ, bởi chú ý đến nâng cao năng lực giao tiếp đã bao

hàm việc nắm vững và củng cố năng lực ngôn ngữ. Làm rõ mối quan hệ khăng khít và sự bổ sung cho nhau giữa chúng sẽ mang lại giá trị thực tiễn và ý nghĩa lý luận to lớn cho việc dạy tiếng Trung.

b. Giáo trình

Giáo trình phản ánh mục tiêu dạy học, yêu cầu dạy học và nội dung dạy học, đồng thời cũng là phương tiện chuyển tải nội dung dạy học trên lớp và kiểm tra thi cử. Việc lựa chọn giáo trình phải thực sự quán triệt các nguyên tắc về tính thực dụng, tính giao tiếp, tính tri thức, tính hứng thú, tính khoa học và tính phù hợp đối tượng. Trên thực tế, các trường đại học Việt Nam chủ yếu lựa chọn các giáo trình dùng chung cho các nước do Trung Quốc biên soạn, về cơ bản đáp ứng các nguyên tắc đã nêu, chỉ riêng nguyên tắc tính phù hợp đối tượng, thì chưa đáp ứng được. Lý tưởng nhất là có một bộ giáo trình tiếng Trung bậc đại học hoàn chỉnh biên soạn riêng cho người Việt Nam, tính tới điểm khó của người Việt Nam học tiếng Trung, tính tới chuyển di tích cực và tiêu cực giữa tiếng Trung và tiếng mẹ đẻ. Nhưng để biên soạn một bộ giáo trình chất lượng như thế gần như vượt quá khả năng của tất cả các trường. Xu hướng chung hiện nay của các trường đại học Việt Nam là lựa chọn một bộ giáo trình đồng bộ chuyên giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc do người bản ngữ biên soạn, chỉ biên soạn một lượng tối thiểu những giáo trình bổ sung mà người bản ngữ không có khả năng biên soạn.

c. Dạy học

Bao gồm dạy học trên lớp và ngoài lớp (hoạt động ngoại khóa và thực

tập,...), là khâu trung tâm trong hoạt động giáo dục đào tạo.

1) Các bước của quá trình dạy học phải phục vụ cho mục đích phát triển năng lực giao tiếp tiếng Trung. Dạy học trên lớp phải quán triệt nguyên tắc giáo dục chung là lấy sinh viên làm trung tâm và nguyên tắc đặc thù của dạy tiếng là “tinh giảng đa luyện”, nhấn mạnh việc chuyên hóa kiến thức ngôn ngữ thành kỹ năng ngôn ngữ và năng lực giao tiếp. Kỹ năng ngôn ngữ và năng lực giao tiếp ngôn ngữ của người học phải thông qua hoạt động luyện tập thực hành lặp đi lặp lại nhiều lần mới hình thành được. Hoạt động luyện tập thực hành trên lớp do giảng viên tổ chức phải diễn ra với nhiều hình thức, nhịp độ nhanh và mật độ cao, đồng thời phải tạo ra bầu không khí thoải mái, tự nhiên trong lớp học. Giảng viên chủ động đưa ra tình huống có vấn đề và ngữ cảnh giả định gắn liền với xã hội để tổ chức cho sinh viên luyện tập.

2) Bồi dưỡng năng lực giao tiếp tiếng Trung còn cần chú ý hướng dẫn sinh viên hoạt động thực hành tiếng ngoài lớp. Hoạt động thực hành tiếng ngoài lớp tạo ra sân chơi đồng thời cũng là lớp học thứ hai không thể thiếu trong đào tạo tiếng; tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa tiếng Trung và tổ chức thực tập theo kế hoạch sẽ tạo môi trường tiếng, tạo cơ hội cho sinh viên sử dụng ngôn ngữ, giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học, kỹ năng đã luyện và thu được những hiệu quả mà trên lớp khó thu được.

3) Thiết lập khung tổng thể về bồi dưỡng năng lực giao tiếp, xuất phát từ quan hệ giữa ngôn ngữ và các yếu tố phi

ngôn ngữ, bao gồm:

- Giảng dạy kiến thức ngôn ngữ Trung Quốc;
- Giảng luyện kỹ năng ngôn ngữ cơ bản;
- Luyện tập kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ;
- Giảng dạy kiến thức bối cảnh văn hoá đất nước học tiếng;
- Tổ chức hoạt động ngoại khoá và thực tập.

4) Nguyên tắc và phương pháp bồi dưỡng năng lực giao tiếp. Phương pháp dạy học ngoại ngữ được chia thành bốn trường phái lớn: trường phái tri nhận nhấn mạnh việc tự giác nắm vững ngôn ngữ (phương pháp dịch - ngữ pháp, phương pháp đối chiếu có ý thức và phương pháp nhận biết); trường phái kinh nghiệm nhấn mạnh tạo thói quen (phương pháp trực tiếp, phương pháp tình huống, phương pháp nghe và nói, phương pháp nghe nhìn,...); trường phái nhân văn nhấn mạnh các yếu tố cảm xúc (phương pháp học theo nhóm, phương pháp âm thị, lối im lặng,...); trường phái chức năng coi trọng vận dụng giao tiếp (chủ yếu là phương pháp giao tiếp). Có thể thấy, mỗi trường phái đều có nét độc đáo riêng, nhưng không tránh khỏi vẫn có những bất cập nào đó. Ngày càng có nhiều người nhận thức rằng chỉ sử dụng một phương pháp trong dạy học không thể giải quyết hết mọi vấn đề. Bồi dưỡng năng lực giao tiếp tiếng Trung không thể chỉ dựa vào một phương pháp đơn lẻ, mà phải được chỉ đạo bởi các nguyên tắc cơ bản của việc giảng dạy ngôn ngữ và nguyên tắc đặc thù về bồi dưỡng năng lực giao tiếp ngôn ngữ. Cần tiếp thu ưu điểm của các trường phái giáo học

pháp để bổ sung cho nhau và hình thành “phương pháp tổng hợp” chú trọng phát triển năng lực giao tiếp cho người học. “Phương pháp tổng hợp” vừa coi trọng dạy chức năng ngôn ngữ và bồi dưỡng năng lực giao tiếp, vừa tăng cường dạy học kiến thức ngôn ngữ; vừa coi trọng lấy sinh viên làm trung tâm, phát huy tính chủ động tích cực của người học, vừa tăng cường vai trò chỉ đạo của giảng viên. “Phương pháp tổng hợp” đòi hỏi giảng viên phải căn cứ vào đối tượng dạy học, giai đoạn dạy học và điều kiện dạy học khác nhau để áp dụng phương pháp dạy học phù hợp. Ví dụ, giai đoạn sơ cấp chú trọng phương pháp nghe nói; giai đoạn trung cấp chú trọng phương pháp tình huống, phương pháp chức năng; giai đoạn cao cấp chú trọng phương pháp giao tiếp. Thậm chí, trong cùng một giai đoạn dạy học, có thể sử dụng đan xen vài phương pháp.

2.4. Một số biện pháp cụ thể về bồi dưỡng năng lực giao tiếp tiếng Trung

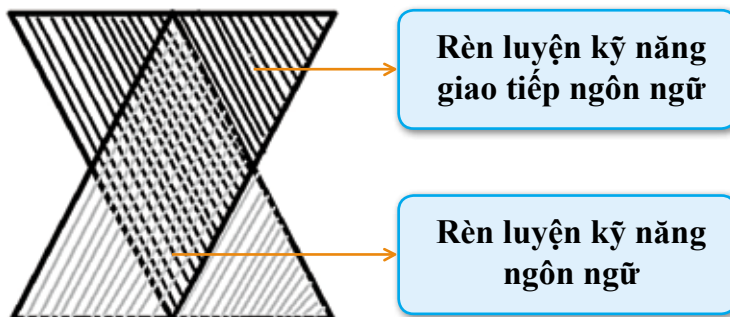
a. Trọng tâm rèn luyện kỹ năng giao tiếp

1) Coi chức năng là mục đích, là định hướng. Dựa vào lý thuyết về chức năng ngôn ngữ, giảng viên phải hướng đạo người học nắm vững các quy tắc ngữ dụng, hoàn thành nhiệm vụ giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp; phải xác định rõ mục đích luyện tập, mới có thể tránh được lối dạy học mơ hồ và tùy tiện. Tỷ trọng rèn luyện về kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong ba giai đoạn giảng dạy tiếng Trung (sơ - trung - cao cấp) và sự đan xen giữa chúng được thể hiện trong Hình 2.

Giai đoạn cao

Giai đoạn giữa

Giai đoạn cơ sở



Hình 2 cho thấy tỷ trọng giảng luyện giữa kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ không phải là bất biến. Ở giai đoạn cơ sở, trình độ tiếng của người học còn thấp, vốn từ vựng cũng như việc nắm vững quy tắc ngữ pháp còn ít, nên khả năng tham gia vào quá trình rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ còn hạn chế. Lúc này, nên rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ có tỷ trọng lớn hơn so với rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ. Cùng với việc không ngừng nâng cao trình độ tiếng, tỷ trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp sẽ tăng dần trong khi tỷ trọng rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ giảm dần. Sang giai đoạn giữa và giai đoạn cao, người học đã tích lũy nhiều hơn về từ vựng, ngữ pháp, về khả năng diễn đạt và kỹ năng giao tiếp và cũng tăng hơn về khả năng huy động ngôn ngữ và tự động hoá lời nói, thì việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ trong dạy học cũng được đưa lên vị trí chủ đạo và đặt ra yêu cầu cao hơn đối với người học về vận dụng cấu trúc ngôn ngữ, về sử dụng tình huống, về tính logic cũng như tính phù hợp trong lối diễn đạt.

2) Rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cần được thực hiện trong một ngữ cảnh cụ thể. Dạy học theo ngữ cảnh sẽ kích thích đáng kể sự nhiệt tình, tính chủ động học tập của người học. Dựa

trên chủ điểm bài học, giảng viên có thể thiết kế các tình huống giả định có giá trị giao tiếp và gợi mở người học trình bày đầy đủ ý kiến của mình, như tổ chức thảo luận chuyên đề, thuyết trình, biện luận theo dàn ý cho trước (đối với giai đoạn cao) hoặc mô phỏng một tình huống để diễn đạt điều cần nói, ví dụ: gọi điện cho một người bạn và mời anh ta đi ăn tối,...

3) Rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ lấy diễn ngôn làm mục tiêu. Nắm vững câu không phải là mục tiêu cuối cùng của việc dạy tiếng. Nhiệm vụ dạy tiếng là giúp người học biết sử dụng ngôn ngữ đúng cách phù hợp với ngữ cảnh cụ thể. Hình thức cơ bản của giao tiếp ngôn ngữ là sử dụng diễn ngôn. Câu nằm trong các diễn ngôn khác nhau sẽ có ý nghĩa và chức năng giao tiếp khác nhau. Một khi câu rời khỏi diễn ngôn, sẽ rất khó xác định ý nghĩa đích thực của nó. Vì vậy, phải trên cơ sở luyện tập các câu đơn lẻ, tiến tới diễn đạt thành đoạn liền mạch. Ở giai đoạn cơ sở, giai đoạn giữa và giai đoạn cao đặt ra những yêu cầu khác nhau về sử dụng diễn ngôn. Việc sử dụng diễn ngôn cần được coi trọng ngay từ những buổi học đầu tiên và xuyên suốt toàn bộ quá trình bồi dưỡng năng lực giao tiếp cho người học.

4) Rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ nhấn mạnh tính phù hợp của ngôn ngữ sử dụng. Ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao tiếp không chỉ đòi hỏi phải đúng mà còn phải phù hợp với ngữ cảnh. Cái gọi là “tính phù hợp” của lời nói phải tuân theo nguyên tắc đúng lúc, đúng chỗ, đúng hoàn cảnh, đúng thân phận, đúng đối tượng. Muốn đạt được mục đích giao tiếp như mong đợi, người học phải biết căn cứ vào ngữ cảnh giao tiếp cụ thể để lựa chọn những hình thức biểu đạt lời nói tương ứng có hiệu quả nhất.

b. Rèn kỹ năng giao tiếp tiếng Trung trên lớp

Rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Trung không tách rời với việc rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ. Trên thực tế, hai kỹ năng này luôn luôn đan xen và bổ sung cho nhau.

1) Coi rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ là cơ sở. Các yếu tố cấu thành năng lực giao tiếp ngôn ngữ gồm năng lực ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ văn hoá - xã hội, năng lực lời nói và chiến lược giao tiếp, trong đó, năng lực ngôn ngữ là cơ sở, năng lực ngôn ngữ xã hội là hạt nhân, chiến lược giao tiếp là phương cách, năng lực lời nói là mục đích. Người học ngoại ngữ chỉ có hội tụ đầy đủ bốn yếu tố này mới đủ năng lực sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp thuận lợi. Nếu năng lực giao tiếp ngôn ngữ coi năng lực ngôn ngữ là cơ sở, thì việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ đương nhiên phải được tiến hành trên cơ sở rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ. Người học không nắm vững kỹ năng ngôn ngữ cơ bản sẽ rất khó hình thành kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ.

Cần nhận thức rõ giảng luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ không tách rời giảng luyện kỹ năng ngôn ngữ. Cần tránh hai khuynh hướng: *một là*, cho rằng chỉ cần nắm vững kỹ năng ngôn ngữ là có thể sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, dẫn tới bỏ qua giảng luyện kỹ năng giao tiếp lời nói; *hai là*, không thấy vai trò cơ bản của kỹ năng ngôn ngữ trong phát triển kỹ năng giao tiếp mà coi nhẹ giảng luyện kỹ năng ngôn ngữ cơ bản.

2) Coi chức năng là hạng mục trung tâm. Mục đích của rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ là giúp người học giao tiếp được dựa trên chức năng của ngôn ngữ. Chức năng của một câu, một đoạn lời nói trong giao tiếp không chỉ bị hạn chế bởi yếu tố ngôn ngữ, mà còn bởi nhiều yếu tố phi ngôn ngữ liên quan đến ngữ cảnh. Cách diễn đạt của người nói, người viết có phù hợp hay không phụ thuộc rất nhiều vào sự lựa chọn từ ngữ và hình thức lời nói của họ. Coi chức năng là hạng mục để giảng luyện nhằm hướng dẫn người học căn cứ vào các yếu tố khách quan (như trường hợp giao tiếp, đối tượng giao tiếp, mục đích giao tiếp) để tiến hành biểu đạt. Người đọc và người nghe trên cơ sở nắm vững các quy tắc ngôn ngữ, quy tắc lời nói và quy tắc ngữ dụng sẽ hiểu được suy nghĩ, tình cảm của người diễn đạt dưới dạng viết hoặc nói. Cụ thể, về mặt diễn đạt, yêu cầu người học phải căn cứ vào nhiệm vụ giao tiếp và ngữ cảnh giao tiếp để lựa chọn hình thức ngôn ngữ phù hợp (bao gồm ngữ âm, từ ngữ, mẫu câu, ngữ thể, cách tổ chức diễn ngôn) và chiến lược giao tiếp. Về mặt hiểu, yêu cầu người

học căn cứ vào tình huống giao tiếp cụ thể để phán đoán và lý giải được hàm nghĩa ngữ dụng của diễn ngôn.

3. KẾT LUẬN

Gắn giảng dạy với mục tiêu bồi dưỡng năng lực giao tiếp ngôn ngữ cho sinh viên có ý nghĩa vô cùng quan trọng,

góp phần vào việc nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Trung trong đào tạo cử nhân chuyên ngành tiếng Trung. Tác giả bài viết đã trình bày tóm tắt một số nghiên cứu của cá nhân, mong nhận được sự phê bình góp ý của các thầy cô và các học giả./.

Tài liệu tham khảo

1. 吕必松 (1990) 《对外汉语教学发展概要》，北京语言学院出版社。
2. 吕必松 (1993) 《关于中高级汉语教学中的几个问题》，《语言教学语言研究》，1993年第1期。
3. 刘珣 著 (2000) 《对外汉语教学引论》，北京语言文化大学出版社。
4. 常敬宇著 (1991) 《试论汉语交际的得体性》，《第三届国际汉语教学讨论会论文集》，北京语言学院出版社。
5. 王建平 (1989) 《语境的逻辑功能》，求实出版社
6. 周思源 主编 (1997) 《对外汉语教学与文化》，北京语言文化大学出版社。
7. 柳英绿金基石主编 (1997) 《对外汉语教学的理论与实践》，延边大学出版。
8. 李杨 主编 (1997) 《对外汉语教学课程研究》，北京语言文化大学出版社。
9. 杨惠元 著 (1996) 《汉语听力说话教学法》，北京语言学院出版社。
10. 桂诗春 编著 (1998) 《应用语言学》，湖南教育出版社。
11. 祝畹瑾 著 (1992) 《社会语言学概论》湖南教育出版社。
12. 刘焕辉 著 (1986) 《言语交际学》，江西教育出版社。
13. 王钟华主编 (1999) 《对外汉语教学初级阶段课程规范》，北京语言文化大学出版社。
14. 蒋以亮 (1998) 《课堂交际技能训练的一种方法-谈“分组”》，《汉语学习》1998年第1期。
15. 周健 (2000) 《试论文化混融语境中的交际与汉语教学》，《汉语学习》2000年第四期。